

Sách hướng dẫn sử
dụng

Tiếng Việt

Dung dịch làm sạch và chất khử
trùng cho hệ thống siêu âm và
đầu dò

PHILIPS

Mục lục

1	Đọc trước phần này.....	5
	Nhận xét của khách hàng.....	7
	Dịch vụ khách hàng.....	8
	Quy ước thông tin người dùng.....	8
2	An toàn.....	11
	Cảnh báo và thận trọng.....	11
	Phơi nhiễm Glutaraldehyde.....	14
3	Dung dịch làm sạch và chất khử trùng.....	15
	Chất làm sạch và chất khử trùng cho bề mặt hệ thống.....	15
	Hướng dẫn dành cho AR (Automated Reprocessor, Máy khử trùng tự động).....	18
	Hướng dẫn về máy khử trùng đầu dò TEE tự động và máy khử trùng máy rửa.....	20
	Dung dịch làm sạch và khử trùng cho đầu dò.....	23
	Khả năng tương thích chất khử trùng theo tên đầu dò.....	24
	Đầu dò được liệt kê theo khả năng tương thích chất khử trùng.....	29
	Dung dịch làm sạch và chất khử trùng tương thích.....	33

1 Đọc trước phần này

Thông tin người dùng cho sản phẩm Philips của bạn mô tả cấu hình toàn diện nhất của sản phẩm, với số lượng tối đa các phụ kiện và tùy chọn. Một vài chức năng được mô tả có thể không khả dụng trên cấu hình của sản phẩm của bạn.

Đầu dò chỉ được cung cấp ở những quốc gia hoặc khu vực mà đầu dò được phê duyệt. Để biết thông tin áp dụng riêng cho khu vực của bạn, hãy liên hệ với đại diện của Philips ở địa phương.

Sách hướng dẫn này liệt kê các chất khử trùng và dung dịch làm sạch tương thích với các hệ thống siêu âm và đầu dò Philips.

Thông tin trong sách hướng dẫn này áp dụng cho các hệ thống siêu âm sau:

- Dòng máy Affiniti
- Dòng máy ClearVue
- CX30
- CX50
- Dòng máy EPIQ
- HD5
- HD6
- HD7
- Dòng máy HD11
- HD15
- iE33
- iU22
- Lumify
- Sparq
- Xperius (được B. Braun phân phối)

Để biết thông tin về các hệ thống siêu âm và đầu dò Philips không được đề cập đến trong tài liệu này, xem tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống của bạn. Tài liệu này có thông tin cụ thể về đầu dò và hệ thống của bạn.

Luôn làm theo các hướng dẫn của nhà sản xuất khi sử dụng chất khử trùng và dung dịch làm sạch.

Vì thị trường có nhiều loại sản phẩm khử trùng và làm sạch nên chúng tôi không thể đưa ra một danh sách đầy đủ ở đây. Nếu bạn không chắc về tính tương thích của một sản phẩm cụ thể, vui lòng liên hệ đại diện Philips của bạn để được hỗ trợ.

Để được hướng dẫn cách làm sạch và khử trùng hệ thống siêu âm và đầu dò, xem *Chăm sóc và làm sạch hệ thống siêu âm và đầu dò* (đi cùng với tài liệu hệ thống của bạn), hoặc trang web "Chăm sóc hệ thống và đầu dò":

www.philips.com/transducercare

Để biết danh sách các đầu dò được hệ thống của bạn hỗ trợ, xem của *Sách hướng dẫn sử dụng* và *Bản cập nhật thông tin người dùng* hệ thống của bạn. Những tài liệu này có thông tin cụ thể về đầu dò và hệ thống của bạn.

Để biết thêm thông tin:

- Nếu bạn ở Bắc Mỹ, vui lòng gọi cho Philips theo số 800-722-9377.
- Nếu bạn ở ngoài Bắc Mỹ, vui lòng liên hệ đại diện Philips tại địa phương của bạn.
- Truy cập trang web "Chăm sóc hệ thống và đầu dò":

www.philips.com/transducercare

Tài liệu hoặc phương tiện lưu trữ kỹ thuật số này và thông tin trong tài liệu hoặc phương tiện lưu trữ kỹ thuật số này là tài sản và thông tin bí mật của Philips. Bạn không được nhân bản, sao chép một phần hoặc toàn bộ, phóng tác, sửa đổi, tiết lộ cho người khác, hoặc phổ biến tài liệu hoặc phương tiện lưu trữ kỹ thuật số này và thông tin trong tài liệu hoặc phương tiện lưu trữ kỹ thuật số này mà không có sự cho phép từ trước bằng văn bản của Phòng Pháp chế Philips. Tài liệu hoặc phương tiện lưu trữ kỹ thuật số này được tạo ra để khách hàng sử dụng và cấp phép cho họ như một phần của việc mua sắm trang thiết bị Philips, hoặc để đáp ứng các cam kết pháp lý theo quy định của Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ trong tài liệu 21 CFR 1020.30 (và các bản sửa đổi của tài liệu đó) và những yêu cầu pháp lý khác của địa phương. Nghiêm cấm những người không được cho phép sử dụng tài liệu này.

Philips cung cấp tài liệu này mà không có bất kỳ loại bảo hành ngầm hoặc rõ ràng nào, bao gồm nhưng không giới hạn ở, các bảo hành ngầm về khả năng tiêu thụ và sự thích hợp cho một mục đích cụ thể.

Philips đã thận trọng để đảm bảo tính chính xác của tài liệu này. Tuy nhiên, Philips không chịu trách nhiệm về các lỗi sai hoặc thiếu sót và bảo lưu quyền thực hiện các thay đổi đối với bất kỳ sản phẩm nào trong tài liệu này để cải thiện độ tin cậy, chức năng, hoặc thiết kế mà không cần thông báo trước. Philips có thể cải thiện hoặc thay đổi các sản phẩm hoặc các chương trình được miêu tả trong tài liệu này bất cứ lúc nào.

Philips không đưa ra tuyên bố hoặc bảo đảm nào trước người dùng hoặc các bên liên quan khác về độ phù hợp của tài liệu này cho bất kỳ mục đích cụ thể nào hoặc về độ phù hợp của tài liệu này trong việc tạo ra bất kỳ kết quả cụ thể nào. Người dùng có quyền được bồi thường thiệt hại xuất phát từ lỗi hoặc sơ suất của Philips nhưng khoản bồi thường đó chỉ giới hạn ở khoản tiền mà người dùng đã trả để có được tài liệu này. Trong mọi trường hợp, Philips không chịu trách nhiệm về thiệt hại đặc biệt, ngoài dự kiến, ngẫu nhiên, trực tiếp, gián tiếp hoặc mang tính hậu quả, về tổn thất, chi phí, phí, khiếu nại, yêu cầu hoặc khiếu nại do bị mất lợi nhuận, dữ liệu, phát sinh bất kỳ loại phí hay chi phí nào.

Không chỉ vi phạm bản quyền, việc sao chép trái phép tài liệu này còn có thể làm giảm khả năng cung cấp thông tin chính xác và cập nhật đến người dùng của Philips.

"Affiniti," "Affiniti CVx," "EPIQ," "EPIQ CVx" và "xMATRIX" là các nhãn hiệu của Koninklijke Philips N.V.

"Xperius" là thương hiệu thuộc sở hữu chung của Koninklijke Philips N.V. và B. Braun Melsungen AG.

Tên các sản phẩm không phải là sản phẩm của Philips có thể là nhãn hiệu của các chủ sở hữu tương ứng.

Nhận xét của khách hàng

Nếu bạn có câu hỏi về thông tin người dùng, hoặc bạn phát hiện lỗi trong thông tin người dùng và nếu bạn ở Hoa Kỳ, vui lòng liên hệ Philips theo số 800-722-9377; nếu bạn ở ngoài Hoa Kỳ, vui lòng liên hệ đại diện dịch vụ khách hàng tại địa phương của bạn. Bạn cũng có thể gửi email tới địa chỉ sau:

techcomm.ultrasound@philips.com

Dịch vụ khách hàng

Các đại diện dịch vụ khách hàng có mặt trên toàn cầu để trả lời các câu hỏi và cung cấp bảo dưỡng và dịch vụ. Vui lòng liên hệ đại diện Philips ở địa phương của bạn để được hỗ trợ. Bạn cũng có thể liên hệ văn phòng dưới đây để được giới thiệu đến một đại diện dịch vụ khách hàng, hoặc truy cập trang web “Liên hệ với chúng tôi” này:

www.healthcare.philips.com/main/about/officelocator/index.wpd

Philips Ultrasound, Inc.
22100 Bothell Everett Hwy
Bothell, WA 98021-8431
USA
800-722-9377

Quy ước thông tin người dùng

Thông tin người dùng cho sản phẩm của bạn sử dụng các quy ước đánh máy sau để hỗ trợ bạn trong việc tìm kiếm và hiểu thông tin:

- Tất cả các quy trình đều được đánh số, và tất cả các quy trình phụ được đánh chữ. Bạn phải hoàn thành các bước theo trình tự được trình bày để đảm bảo thành công.
- Các danh sách không có thứ tự chỉ ra thông tin chung về một quy trình hoặc chức năng cụ thể. Chúng không ngụ ý một quy trình theo trình tự.
- Bên trái của hệ thống là phía bên trái của bạn khi bạn đứng trước hệ thống, quay mặt về phía hệ thống. Mặt trước của hệ thống là chỗ gần nhất với bạn khi bạn thao tác hệ thống.
- Đầu dò và đầu dò dạng bút chì đều được hiểu là đầu dò, trừ khi việc phân biệt hai cụm từ này là cần thiết để hiểu ý nghĩa văn bản.

Sau đây là quy ước về thông tin có ý nghĩa quan trọng đối với việc sử dụng an toàn và hiệu quả sản phẩm mà bạn thường gặp trong phần thông tin người dùng:



CẢNH BÁO

Thông tin xuất hiện dưới tiêu đề cảnh báo là thông tin quan trọng đối với sự an toàn của bạn, người vận hành và bệnh nhân.



CHÚ Ý

Thông tin xuất hiện dưới tiêu đề thận trọng là các tình huống mà bạn có thể làm hư hại sản phẩm và từ đó làm mất khả năng bảo hành hay làm vô hiệu hợp đồng dịch vụ hoặc các tình huống mà bạn có thể mất dữ liệu hệ thống hoặc bệnh nhân.

LƯU Ý

Thông tin xuất hiện dưới tiêu đề lưu ý là thông tin bạn cần chú ý đến để vận hành sản phẩm một cách hiệu quả.

2 An toàn

Đọc thông tin có trong phần này để đảm bảo sự an toàn của tất cả những người vận hành và bảo dưỡng thiết bị siêu âm, tất cả những bệnh nhân đến khám, và để đảm bảo chất lượng của hệ thống và các phụ kiện của hệ thống.

Cảnh báo và thận trọng

Để được an toàn khi sử dụng các chất làm sạch và khử trùng, hãy tuân theo các thông tin cảnh báo và thận trọng sau:



CẢNH BÁO

Không có loại chất khử trùng nào có thể chống lại được tất cả các loại nhiễm bẩn. Hãy đảm bảo rằng loại chất khử trùng phải phù hợp với hệ thống hoặc đầu dò và nồng độ dung dịch và thời gian tiếp xúc phải phù hợp với mục đích sử dụng lâm sàng.



CẢNH BÁO

Các chất khử trùng được khuyến nghị nhờ khả năng tương thích hoá học của chúng với vật liệu sản phẩm, không phải vì tính hiệu quả sinh học của chúng. Để biết tính hiệu quả sinh học của chất khử trùng, xem các hướng dẫn và khuyến nghị của nhà sản xuất chất khử trùng, Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ và Trung tâm Phòng chống Dịch bệnh Hoa Kỳ.



CẢNH BÁO

Nếu sử dụng một dung dịch được trộn sẵn thì luôn phải xem ngày hết hạn sử dụng của dung dịch.

**CẢNH BÁO**

Mức độ khử trùng cần thiết cho một thiết bị được xác định tùy theo loại mô mà thiết bị sẽ tiếp xúc trong khi sử dụng và loại đầu dò sử dụng. Đảm bảo rằng loại chất khử trùng phải phù hợp với loại đầu dò và phương thức sử dụng đầu dò. Để biết thông tin về các mức yêu cầu khử trùng, hãy xem tài liệu *Chăm sóc và làm sạch hệ thống siêu âm và đầu dò*. Ngoài ra, xem các hướng dẫn trên nhãn chất khử trùng và các khuyến nghị của Hiệp hội Kiểm soát Nhiễm khuẩn, Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ và Tuyên bố chính thức của AIUM: "Guidelines for Cleaning and Preparing External- and Internal-Use Ultrasound Transducers and Equipment Between Patients as well as Safe Handling and Use of Ultrasound Coupling Gel," và Trung tâm Phòng chống Dịch bệnh Hoa Kỳ.

**CẢNH BÁO**

Tuân theo các khuyến nghị của nhà sản xuất nước tẩy rửa hoặc chất khử trùng.

**CẢNH BÁO**

Luôn sử dụng găng tay và kính bảo vệ mắt khi làm sạch, khử trùng, hoặc tiệt trùng bất kỳ thiết bị nào.

**CHÚ Ý**

Sử dụng chất khử trùng không được khuyến nghị, sử dụng sai nồng độ, hoặc nhúng đầu dò sâu hơn hoặc lâu hơn khuyến nghị có thể làm hư hại hoặc mất màu đầu dò và làm mất khả năng bảo hành đầu dò.

**CHÚ Ý**

Hạn chế sử dụng cồn isopropyl (cồn cọ rửa), cồn ethyl biến chất và các sản phẩm gốc cồn trên tất cả đầu dò. Trên các đầu dò có giắc cắm USB, hộp chứa đầu dò và thấu kính (cửa sổ siêu âm) là các bộ phận duy nhất có thể được làm sạch bằng cồn. Trên các đầu dò không dùng trong siêu âm tim qua thực quản, các bộ phận duy nhất có thể được làm sạch bằng cồn là hộp chứa giắc cắm, hộp chứa đầu dò và thấu kính. Trên các đầu dò dùng trong siêu âm tim qua thực quản, các bộ phận duy nhất được làm sạch bằng cồn là hộp chứa giắc cắm và hộp chứa điều khiển. Đảm bảo rằng dung dịch chỉ ở mức cồn isopropyl 91% hoặc thấp hơn hoặc cồn ethyl biến chất 85% hoặc thấp hơn. Không làm sạch bất kỳ bộ phận nào khác của đầu dò bằng cồn (bao gồm dây cáp, đầu cắm USB, hoặc chụp đầu cáp), vì làm vậy có thể gây hư hại những bộ phận này của đầu dò. Hư hại này không nằm trong phạm vi bảo hành hoặc hợp đồng dịch vụ của bạn.

**CHÚ Ý**

Một số chất khử trùng và chất làm sạch có thể gây ra hiện tượng mất màu nếu gel và chất khử trùng còn sót lại không được loại bỏ hoàn toàn giữa mỗi lần sử dụng. Luôn loại bỏ gel hoàn toàn trước khi sử dụng các chất làm sạch và chất khử trùng. Nếu cần và phù hợp với mục đích sử dụng, bạn có thể dùng cồn isopropyl 70% để lau sạch cặn tích tụ trên các bộ phận của hệ thống. Nếu cần và phù hợp với mục đích sử dụng, bạn có thể dùng dung dịch cồn isopropyl 91% hoặc thấp hơn hoặc cồn ethyl biến chất 85% hoặc thấp hơn để lau sạch cặn tích tụ trên một số bộ phận của hệ thống.

**CHÚ Ý**

Không được dán các loại màng dính như Tegaderm lên ống kính đầu dò. Việc dán màng dính như vậy có thể làm hỏng ống kính.

**CHÚ Ý**

Trên màn hình máy tính, không sử dụng các chất làm sạch kính, nước xịt Dispatch hoặc các sản phẩm có chứa chất tẩy trắng. Liên tục sử dụng các chất làm sạch hoặc sản phẩm như vậy có thể làm hỏng bề mặt của màn hình máy tính. Lau ngay chất khử trùng và chất làm sạch được duyệt để ngăn chặn tích tụ phần chất còn sót lại. Sử dụng chất làm sạch chuyên dụng để vệ sinh màn hình LCD hoặc OLED.

**CHÚ Ý**

Trên màn hình máy tính, không sử dụng nước xịt Dispatch hoặc các sản phẩm có chứa chất tẩy trắng hoặc cồn. Liên tục sử dụng các chất làm sạch hoặc sản phẩm như vậy có thể làm hỏng màn hình và bề mặt của màn hình máy tính. Lau ngay chất khử trùng và chất làm sạch được duyệt để ngăn chặn tích tụ phần chất còn sót lại.

Phơi nhiễm Glutaraldehyde

Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp Hoa Kỳ (OSHA) đã ban hành quy định về các mức độ phơi nhiễm glutaraldehyde cho phép ở môi trường làm việc. Philips không bán chất khử trùng gốc glutaraldehyde cùng các sản phẩm của mình.

Để giảm sự xuất hiện của khói glutaraldehyde trong không khí, hãy dùng một bồn rửa ngậm có thông gió hoặc được phủ kín. Những hệ thống như vậy có bán trên thị trường. Bạn có thể tìm thấy thông tin cập nhật nhất về các sản phẩm khử trùng và đầu dò Philips trên trang web “Chăm sóc hệ thống và đầu dò” của Philips:

www.philips.com/transducercare

3 Dung dịch làm sạch và chất khử trùng

Các chủ đề sau liệt kê các dung dịch làm sạch và chất khử trùng tương thích với các đầu dò và hệ thống siêu âm Philips của bạn.

Chất làm sạch và chất khử trùng cho bề mặt hệ thống

Hệ thống Lumify

Bạn có trách nhiệm làm sạch và khử trùng thiết bị theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất thiết bị và các chính sách của cơ quan của bạn về việc làm sạch và khử trùng các thiết bị y tế.

Để biết thông tin về cách làm sạch các thành phần của Philips Lumify, xem tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống Lumify của bạn.

Các hệ thống khác ngoại trừ Lumify

Khả năng tương thích của các chất làm sạch và chất khử trùng thay đổi tùy theo đối tượng mà chúng được dùng để làm sạch và khử trùng. Sản phẩm trong bảng sau là sản phẩm tương thích với các bề mặt hệ thống này:

- Cáp trục chính ECG, dây dẫn chính và điện cực
- Nhựa bên ngoài và các bề mặt được sơn của hệ thống và xe đẩy
- Bảng điều khiển hệ thống
- Màn hình máy tính và màn hình cảm ứng
- Bộ kiểm soát cáp đầu dò dễ kẹp

Dung dịch làm sạch cho tất cả các bề mặt	Dung dịch làm sạch cho màn hình máy tính và màn hình cảm ứng	Chất khử trùng cho các bề mặt hệ thống và màn hình cảm ứng
Dung dịch xà phòng dịu nhẹ ¹	<ul style="list-style-type: none"> Dung dịch xà phòng dịu nhẹ¹ Chất làm sạch chuyên dụng cho màn hình LCD hoặc OLED Nước tinh khiết 	<ul style="list-style-type: none"> 70% isopropyl alcohol (IPA) (không được phê duyệt cho màn hình cảm ứng) Opti-Cide3 (gốc QUAT/cồn isopropyl) Oxivir Tb (gốc ôxy già hoạt tính) Bình xịt hoặc khăn lau của hãng Protex (chỉ tương thích với các hệ thống EPIQ, Affiniti và Xperius) Sani-Cloth HB (gốc QUAT) Sani-Cloth Plus (gốc QUAT/cồn isopropyl) PI-Spray II (gốc QUAT)

- Các dung dịch xà phòng dịu nhẹ không chứa các thành phần thô ráp và không gây kích ứng da. Các dung dịch này không được chứa mùi thơm, tinh dầu, hoặc cồn. Không cho phép sử dụng nước rửa tay.



CHÚ Ý

Không sử dụng các chất làm sạch gây mài mòn, hoặc axeton, MEK, chất pha loãng màu, hoặc các dung môi mạnh khác trên hệ thống, thiết bị ngoại vi hoặc đầu dò.



CHÚ Ý

Không sử dụng khăn Sani-Cloth AF3 hoặc Super Sani-Cloth để khử trùng hệ thống.



CHÚ Ý

Không đổ hoặc phun chất lỏng lên đường nối hệ thống, cổng, hoặc ổ cắm đầu dò.



CHÚ Ý

Trên màn hình máy tính và màn hình cảm ứng, sử dụng vải siêu mịn; không dùng khăn giấy.



CHÚ Ý

Trên màn hình máy tính, không sử dụng các chất làm sạch kính, nước xịt Dispatch hoặc các sản phẩm có chứa chất tẩy trắng. Liên tục sử dụng các chất làm sạch hoặc sản phẩm như vậy có thể làm hỏng bề mặt của màn hình máy tính. Lau ngay chất khử trùng và chất làm sạch được duyệt để ngăn chặn tích tụ phần chất còn sót lại. Sử dụng chất làm sạch chuyên dụng để vệ sinh màn hình LCD hoặc OLED.



CHÚ Ý

Trên màn hình máy tính, không sử dụng nước xịt Dispatch hoặc các sản phẩm có chứa chất tẩy trắng hoặc cồn. Liên tục sử dụng các chất làm sạch hoặc sản phẩm như vậy có thể làm hỏng màn hình và bề mặt của màn hình máy tính. Lau ngay chất khử trùng và chất làm sạch được duyệt để ngăn chặn tích tụ phần chất còn sót lại.



CHÚ Ý

Các bề mặt hệ thống và đầu dò có khả năng chịu được tiếp xúc với gel siêu âm, cồn, và chất khử trùng, nhưng nếu bạn sử dụng những chất này, bạn phải lau sạch chúng để ngăn ngừa hư hại lâu dài.

Để được hướng dẫn làm sạch và khử trùng các hệ thống siêu âm và đầu dò, xem *Chăm sóc và làm sạch hệ thống siêu âm và đầu dò* hoặc trang web “Chăm sóc hệ thống và đầu dò”:

www.philips.com/transducercare

Hướng dẫn dành cho AR (Automated Reprocessor, Máy khử trùng tự động)

Chỉ một số loại đầu dò tương thích với máy khử trùng tự động (AR) và AR chỉ có thể sử dụng một số dung dịch hoặc điều kiện xử lý cụ thể.

Bạn có thể khử trùng đầu dò Philips trong một AR nếu đáp ứng các tiêu chí sau:

- Tất cả hóa chất và điều kiện xử lý áp dụng đều phải tương thích với kiểu đầu dò Philips cụ thể đang được khử trùng, và phải được sử dụng theo các điều kiện mà nhà sản xuất AR khuyến cáo.
- Nhiệt độ được dùng trong khi khử trùng không được vượt quá 55 °C (131 °F).
- Trừ khi sử dụng hệ thống STERRAD 100S, nếu không thì phải cách ly giắc cắm của đầu dò với dung dịch vệ sinh hoặc chất khử trùng trong suốt quá trình khử trùng. Điều này giúp hạn chế nguy cơ làm bắn tung tóe lên tay cầm hoặc giắc cắm.

Sau đây là các AR đáp ứng yêu cầu về khử trùng của đầu dò Philips không phải TEE cụ thể. Những AR này hoặc được thiết kế riêng cho, hoặc được lắp kèm vào để hỗ trợ, việc khử trùng đầu dò cụ thể.

LƯU Ý

Bên cạnh các AR được liệt kê trong bảng sau, nếu một AR đáp ứng tiêu chí trong danh sách trước, AR này cũng được cho phép sử dụng.

Ví dụ: Loại AR tương thích với đầu dò không phải TEE của Philips

Nhà sản xuất	Nước xuất xứ	Kiểu	Loại đầu dò	Các chất khử trùng hoặc phương pháp tương thích	Điều kiện xử lý
Advanced Sterilization Products	US	STERRAD 100S	L10-4lap	Ôxy già	50 °C (122 °F)
CIVCO Medical Solutions	US	Astra VR	Đầu dò âm đạo ¹	Cidex OPA, Revital-Ox RESERT, MetriCide OPA Plus	32 °C (89,6 °F)
		Astra VR Ultra	Đầu dò âm đạo ¹	Cidex OPA, Revital-Ox RESERT, MetriCide OPA Plus	32 °C (89,6 °F)
Germitec	FR	Antigermix S1	Nhiều loại ²	UV-C	Nhiệt độ môi trường
		Antigermix Chronos	Nhiều loại ²	UV-C	Nhiệt độ môi trường
Medivators	US	ADVANTAGE PLUS (với gói tùy chọn Ultrasound Probe Hookup Kit)	Nhiều loại ³	RAPICIDE PA Single Shot	30 °C (86 °F)
Nanosonics	AU	trophon EPR trophon2	Nhiều loại ⁴	Ôxy già	50 °C (122 °F)

1. Để biết các loại đầu dò xuyên âm đạo và xuyên trực tràng tương thích, hãy xem Astra VR hoặc Astra VR Ultra trong “Dung dịch làm sạch và chất khử trùng tương thích” trên trang 33 và sau đó sử dụng số trên Cột khả năng tương thích để tham chiếu tới danh sách thích hợp trong “Đầu dò được liệt kê theo khả năng tương thích chất khử trùng” trên trang 29.
2. Đối với các đầu dò tương thích, hãy xem Antigermix S1 hoặc Antigermix Chronos trong “Dung dịch làm sạch và chất khử trùng tương thích” trên trang 33 và sau đó sử dụng số Cột khả năng tương thích để tham chiếu đến danh sách phù hợp trong “Đầu dò được liệt kê theo khả năng tương thích chất khử trùng” trên trang 29.
3. Để biết các loại đầu dò tương thích, hãy xem Advantage Plus (với gói tùy chọn Ultrasound Probe Hookup Kit) trong “Dung dịch làm sạch và chất khử trùng tương thích” trên trang 33 và sau đó sử dụng số trên Cột khả năng tương thích để tham chiếu tới danh sách thích hợp trong “Đầu dò được liệt kê theo khả năng tương thích chất khử trùng” trên trang 29.
4. Để biết các loại đầu dò tương thích, hãy xem trophon EPR và trophon2 trong “Dung dịch làm sạch và chất khử trùng tương thích” trên trang 33 và sau đó sử dụng số trên Cột khả năng tương thích để tham chiếu tới danh sách thích hợp trong “Đầu dò được liệt kê theo khả năng tương thích chất khử trùng” trên trang 29.

Hướng dẫn về máy khử trùng đầu dò TEE tự động và máy khử trùng máy rửa

Chỉ một số loại đầu dò là tương thích với máy khử trùng đầu dò TEE tự động hoặc máy khử trùng máy rửa đầu dò TEE tự động, trong khi thiết bị tự động chỉ có thể sử dụng các loại dung dịch cụ thể.

Bạn có thể xử lý lại đầu dò TEE của Philips trong một máy khử trùng đầu dò TEE tự động hoặc máy khử trùng máy rửa đầu dò TEE tự động nếu đáp ứng các tiêu chí sau:

- Tất cả hóa chất và điều kiện xử lý áp dụng đều phải tương thích với model đầu dò TEE Philips cụ thể đang được khử trùng, và phải được sử dụng theo các điều kiện mà nhà sản xuất máy khử trùng khuyến cáo.

- Nhiệt độ được dùng trong khi khử trùng không được vượt quá 45 °C (113 °F).
- Tay cầm và giắc cắm đầu dò siêu âm tim qua thực quản phải được cách ly với dung dịch khử trùng hoặc làm sạch trong toàn bộ quá trình khử trùng, bao gồm cả giá đỡ tay cầm và cơ cấu làm kín. Điều này giúp hạn chế nguy cơ làm bắn tung tóe lên tay cầm hoặc giắc cắm.
- Cấm sử dụng tấm chắn bảo vệ hoặc thiết bị dùng để cách ly tay cầm và giắc cắm để cho phép toàn bộ đầu dò được nhúng hoặc tiếp xúc hoàn toàn với dung dịch chất khử trùng trong khi sử dụng máy khử trùng.
- Không được sử dụng phương pháp làm khô bằng cách sấy nóng.

Bảng dưới đây nêu những ví dụ về máy tự tái xử lý đáp ứng được những yêu cầu khử trùng của đầu dò Philips dùng trong siêu âm tim qua thực quản. Những chiếc máy khử trùng này được thiết kế chuyên dụng hoặc được lắp kèm vào để hỗ trợ khử trùng đầu dò dùng trong siêu âm tim qua thực quản.

LƯU Ý

Bên cạnh các máy khử trùng liệt kê trong bảng trên, các loại máy khử trùng đầu dò TEE tự động hoặc máy khử trùng máy rửa đầu dò TEE tự động khác mà được phê chuẩn nhãn FDA hoặc CE cho dùng với đầu dò TEE và đáp ứng tiêu chí trong danh sách trên thì sẽ được phép sử dụng.

Ví dụ: Các loại máy khử trùng tương thích với đầu dò TEE của Philips

Nhà sản xuất	Nước xuất xứ	Kiểu	Loại đầu dò	Các chất khử trùng hoặc phương pháp tương thích	Điều kiện xử lý
CIVCO Medical Solutions	US	Astra TEE	TEE	Cidex OPA, MetriCide OPA Plus, Revital-Ox RESERT	40 °C (104 °F)
		Astra TEE Ultra	TEE	Cidex OPA, MetriCide OPA Plus, Revital-Ox RESERT	40 °C (104 °F)
CS Medical	US	Máy khử trùng TD-100	TEE	TD-5 HLD, TD-8 HLD	38 °C đến 40 °C (100.4 °F đến 104 °F)
		Máy khử trùng TD-200	TEE	TD-12 HLD	38 °C (100.4 °F)
		TEEClean Reprocessor	TEE	TD-5 HLD, TD-8 HLD, TEEZyme Cleaner	38 °C đến 40 °C (100.4 °F đến 104 °F)
Germitec	FR	Antigermix E1	TEE	UV-C	Nhiệt độ môi trường

Nhà sản xuất	Nước xuất xứ	Kiểu	Loại đầu dò	Các chất khử trùng hoặc phương pháp tương thích	Điều kiện xử lý
Medivators	US	ADVANTAGE PLUS (với gói tùy chọn TEE/TOE Probe Hookup Kit)	TEE	RAPICIDE PA Single Shot	30 °C (86 °F)
		DSD-201 (với gói tùy chọn Bridge Kit)	TEE	RAPICIDE Glut, RAPICIDE PA, RAPICIDE OPA/28	30 °C (86 °F)
		DSD EDGE (với gói tùy chọn Bridge Kit)	TEE	RAPICIDE PA Single Shot	30 °C (86 °F)
Soluscope	FR	Serie TEE	TEE	Soluscope P/ Soluscope A, Proxy P/Proxy A	40 °C (104 °F)

Để xem hướng dẫn về cách vệ sinh và khử trùng đầu dò TEE bằng máy khử trùng đầu dò TEE tự động hoặc máy khử trùng vệ sinh đầu dò TEE tự động, hãy tham khảo tài liệu *Chăm sóc và làm sạch hệ thống siêu âm và đầu dò*.

Dung dịch làm sạch và khử trùng cho đầu dò

Phần này bao gồm ba bảng cho phép bạn tìm thấy các dung dịch làm sạch và khử trùng mà khả dụng với các đầu dò của bạn.

- **“Khả năng tương thích chất khử trùng theo tên đầu dò” trên trang 24:** Liệt kê các loại đầu dò theo thứ tự chữ và số, có tham chiếu đến khả năng tương thích của chúng với chất khử trùng và dung dịch làm sạch. Tìm đầu dò của bạn trong cột Tên đầu dò, sau đó xem tham chiếu ở cột Khả năng tương thích để biết cột Khả năng tương thích phù hợp của **“Dung dịch làm sạch và chất khử trùng tương thích”** trên trang 33.

- “Đầu dò được liệt kê theo khả năng tương thích chất khử trùng” trên trang 29: Sắp xếp các đầu dò theo cột khả năng tương thích tương ứng của “Dung dịch làm sạch và chất khử trùng tương thích” trên trang 33. Sử dụng bảng này để nhanh chóng hiểu được những loại đầu dò nào tương ứng với cột Khả năng tương thích được đánh số.
- “Dung dịch làm sạch và chất khử trùng tương thích” trên trang 33: Liệt kê các dung dịch làm sạch và khử trùng tương thích với đầu dò Philips. Các cột Khả năng tương thích được đánh số cho biết khả năng tương thích của chất khử trùng và dung dịch làm sạch với các đầu dò tương ứng. Sử dụng một trong hai bảng đầu dò để xác định cột khả năng tương thích nào áp dụng cho đầu dò của bạn.

Khả năng tương thích chất khử trùng theo tên đầu dò

Bảng này liệt kê các loại đầu dò theo thứ tự bảng chữ và số, có tham chiếu tới khả năng tương thích của chúng với chất khử trùng và dung dịch làm sạch. Tìm đầu dò của bạn (và hệ thống, nếu được chỉ định) trong cột Tên đầu dò, và sau đó xem cột khả năng tương thích để tìm cột khả năng tương thích phù hợp ở “Dung dịch làm sạch và chất khử trùng tương thích” trên trang 33. Nếu một hệ thống không được chỉ định thì tất cả các phiên bản đầu dò đều sử dụng cùng một cột khả năng tương thích.

Để xem danh sách các loại đầu dò được hệ thống của bạn hỗ trợ, hãy tham khảo *Sách hướng dẫn sử dụng* hệ thống của bạn và *Bản cập nhật thông tin người dùng*, nếu có.

Tham chiếu khả năng tương thích theo tên đầu dò

Tên đầu dò (Tên hệ thống)	Cột khả năng tương thích
CW Pencil 1,9MHz	3
TCD 1,9MHz	3
3D6-2	1
3D8-4	1
3D9-3v (HD11, HD15, iU22)	1
3D9-3v (Affiniti, ClearVue, EPIQ)	2
CW Pencil 5,0MHz	3

Tên đầu dò (Tên hệ thống)	Cột khả năng tương thích
7,5MHz Endo	1
BP10-5ec	2
C5-1 (CX50, HD15, iE33, iU22)	1
C5-1 (Affiniti, EPIQ, Sparq)	2
C5-2 (HD5, HD6, HD7, HD11, HD15, iE33, iU22)	1
C5-2 (ClearVue)	2
C5-2 (Lumify, Xperius)	8
C6-2 Compact (CX30, Sparq)	1
C6-2 Compact (Affiniti)	2
C6-3	1
C8-4v	1 hoặc 2 [†]
C8-5	1
C8-5 Compact (CX30, CX50)	1
C8-5 Compact (Affiniti, EPIQ)	2
C9-2	2
C9-3io	7
C9-3v	2
C9-4	1
C9-4ec	1
C9-4v	2
C9-4v Compact	2
C9-5ec	1

Tên đầu dò (Tên hệ thống)	Cột khả năng tương thích
C10-3v	2
C10-4ec	2
D2cwc	3
D2tcd	3
D5cwc	3
eL18-4	2
eL18-4 EMT	2
L8-4	1
L9-3	1
L10-4lap	6
L11-3	1
L12-3 (HD5, HD6, HD7, HD11, HD15)	1
L12-3 (Affiniti, CX50, EPIQ)	2
L12-3ERGO (Affiniti, EPIQ)	2
L12-4 (ClearVue)	2
L12-4 (Lumify, Xperius)	8
L12-4 Compact (CX30, Sparq)	1
L12-4 Compact (Affiniti)	2
L12-5 38 mm	1
L12-5 50 mm Compact (CX50, Sparq)	1
L12-5 50 mm Compact (Affiniti, EPIQ)	2
L12-5 50 mm	1

Tên đầu dò (Tên hệ thống)	Cột khả năng tương thích
L15-7io (HD11, HD15, iE33, iU22)	1 hoặc 2 †
L15-7io (Affiniti, CX30, CX50, EPIQ, Sparq)	2
L17-5	1
L18-5	2
mC7-2	2
mC12-3	2
OMNI III TEE	5
S3-1	1
S4-1 (iU22)	1
S4-1 (ClearVue)	2
S4-1 (Lumify)	8
S4-2	1
S4-2 Compact (CX30, CX50, Sparq)	1
S4-2 Compact (Affiniti)	2
S5-1 (CX50, iE33, iU22, Sparq)	1
S5-1 (Affiniti, EPIQ)	2
S5-2	1
S6-2mpt	5
S7-2t	5
S7-3t	4
S8	1
S8-3	1

Tên đầu dò (Tên hệ thống)	Cột khả năng tương thích
S8-3 Compact (CX30, CX50, HD5)	1
S8-3 Compact (Affiniti, EPIQ)	2
S8-3t	4
S9-2	2
S12	1
S12-4	1
S12-4 Compact (CX50)	1
S12-4 Compact (Affiniti, EPIQ)	2
TCD	3
V6-2 (HD11 XE, HD15, iU22)	1
V6-2 (Affiniti, ClearVue, EPIQ, HD5)	2
V9-2	2
V8-4	1
VL13-5	1
VL13-5 Compact	2
X3-1	1
X5-1 (iE33)	1
X5-1 (Affiniti, EPIQ)	2
X6-1	2
X7-2 (iE33, iU22)	1
X7-2 (EPIQ)	2
X7-2t	5

Tên đầu dò (Tên hệ thống)	Cột khả năng tương thích
X8-2t	5
XL14-3	2

Chú thích cuối trang

† Sử dụng cột khả năng tương thích 2 cho các kiểu C8-4v với các mã sản phẩm sau:

- Số hiệu bộ phận 45356117292x, trong đó x bằng 3 hoặc lớn hơn
- Số hiệu bộ phận 45356128750x, trong đó x bằng 2 hoặc lớn hơn
- Số hiệu bộ phận 45356131895x, trong đó x bằng 1 hoặc lớn hơn
- Số hiệu bộ phận 45356149748x, trong đó x bằng 1 hoặc lớn hơn
- Số hiệu bộ phận 45356149749x, trong đó x bằng 1 hoặc lớn hơn
- Số hiệu bộ phận 45356168452x, trong đó x bằng 1 hoặc lớn hơn

Sử dụng cột khả năng tương thích 1 cho các kiểu C8-4v với các mã sản phẩm khác.

Để tìm mã sản phẩm, xem bên trong hộp chứa giắc cắm.

‡ Sử dụng cột khả năng tương thích 2 cho các kiểu L15-7io với các mã sản phẩm sau:

- Số hiệu bộ phận 45356140781x, trong đó x bằng 1 hoặc lớn hơn
- Số hiệu bộ phận 45356141827x, trong đó x bằng 1 hoặc lớn hơn

Sử dụng cột khả năng tương thích 1 cho các kiểu L15-7io với các mã sản phẩm khác.

Để tìm mã sản phẩm, xem bên trong hộp chứa giắc cắm.

Đầu dò được liệt kê theo khả năng tương thích chất khử trùng

Bảng này sắp xếp các đầu dò theo cột khả năng tương thích tương ứng ở **“Dung dịch làm sạch và chất khử trùng tương thích” trên trang 33**. Màu sắc của tiêu đề cột cũng tương ứng với màu sắc của cột khả năng tương thích. Nếu một hệ thống không được chỉ định thì tất cả các phiên bản đầu dò đều sử dụng cùng một cột khả năng tương thích.

Để xem danh sách các loại đầu dò được hệ thống của bạn hỗ trợ, hãy tham khảo *Sách hướng dẫn sử dụng* hệ thống của bạn và *Bản cập nhật thông tin người dùng*, nếu có.

Đầu dò được liệt kê theo khả năng tương thích chất khử trùng

Đầu dò (Tên hệ thống) nằm trong cột khả năng tương thích 1	
3D6-2	L12-5 50 mm
3D8-4	L15-7io (HD11, HD15, iE33, iU22) ²
3D9-3v (HD11, HD15, iU22)	L17-5
7,5MHz Endo	S3-1
C5-1 (CX50, HD15, iE33, iU22)	S4-1 (iU22)
C5-2 (HD5, HD6, HD7, HD11, HD15, iE33, iU22)	S4-2
C6-2 Compact (CX30, Sparq)	S4-2 Compact (CX30, CX50, Sparq)
C6-3	S5-1 (CX50, iE33, iU22, Sparq)
C8-4v ¹	S5-2
C8-5	S8
C8-5 Compact (CX30, CX50)	S8-3
C9-4	S8-3 Compact (CX30, CX50, HD5)
C9-4ec	S12
C9-5ec	S12-4
L8-4	S12-4 Compact (CX50)
L9-3	V6-2 (HD11 XE, HD15, iU22)
L11-3	V8-4
L12-3 (HD5, HD6, HD7, HD11, HD15)	VL13-5
L12-4 Compact (CX30, Sparq)	X3-1

L12-5 38 mm	X5-1 (iE33)
L12-5 50 mm Compact (CX50, Sparq)	X7-2 (iE33, iU22)
Đầu dò (Tên hệ thống) nằm trong cột khả năng tương thích 2	
3D9-3v (Affiniti, ClearVue, EPIQ)	L12-5 50 mm Compact (Affiniti, EPIQ)
BP10-5ec	L15-7io (Affiniti, CX30, CX50, EPIQ, Sparq)
C5-1 (Affiniti, EPIQ, Sparq)	L15-7io (HD11, HD15, iE33, iU22) ²
C5-2 (ClearVue)	L18-5
C6-2 Compact (Affiniti)	mC7-2
C8-4v ¹	mC12-3
C8-5 Compact (Affiniti, EPIQ)	S4-1 (ClearVue)
C9-2	S4-2 Compact (Affiniti)
C9-3v	S5-1 (Affiniti, EPIQ)
C9-4v	S8-3 Compact (Affiniti, EPIQ)
C9-4v Compact	S9-2
C10-3v	S12-4 Compact (Affiniti, EPIQ)
C10-4ec	V6-2 (Affiniti, ClearVue, EPIQ, HD5)
eL18-4	V9-2
eL18-4 EMT	VL13-5 Compact
L12-3 (Affiniti, CX50, EPIQ)	X5-1 (Affiniti, EPIQ)
L12-3ERGO (Affiniti, EPIQ)	X6-1
L12-4 (ClearVue)	X7-2 (EPIQ)
L12-4 Compact (Affiniti)	XL14-3
Đầu dò nằm trong cột khả năng tương thích 3	

CW Pencil 1,9MHz

TCD 1,9MHz

CW Pencil 5,0MHz

D2cwc

D2tcd

D5cwc

TCD

Đầu dò nằm trong cột khả năng tương thích 4

S7-3t

S8-3t

Đầu dò nằm trong cột khả năng tương thích 5

OMNI III TEE

S6-2mpt

S7-2t

X7-2t

X8-2t

Đầu dò nằm trong cột khả năng tương thích 6

L10-4lap

Đầu dò nằm trong cột khả năng tương thích 7

C9-3io

Đầu dò nằm trong cột khả năng tương thích 8

C5-2 (Lumify, Xperius)

L12-4 (Lumify, Xperius)

S4-1 (Lumify)

Chú thích cuối trang

- | | |
|---|---|
| 1 | <p>Sử dụng cột khả năng tương thích 2 cho các kiểu C8-4v với các mã sản phẩm sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Số hiệu bộ phận 45356117292x, trong đó x bằng 3 hoặc lớn hơn • Số hiệu bộ phận 45356128750x, trong đó x bằng 2 hoặc lớn hơn • Số hiệu bộ phận 45356131895x, trong đó x bằng 1 hoặc lớn hơn • Số hiệu bộ phận 45356149748x, trong đó x bằng 1 hoặc lớn hơn • Số hiệu bộ phận 45356149749x, trong đó x bằng 1 hoặc lớn hơn • Số hiệu bộ phận 45356168452x, trong đó x bằng 1 hoặc lớn hơn <p>Sử dụng cột khả năng tương thích 1 cho các kiểu C8-4v với các mã sản phẩm khác.</p> <p>Để tìm mã sản phẩm, xem bên trong hộp chứa giắc cắm.</p> |
| 2 | <p>Sử dụng cột khả năng tương thích 2 cho các kiểu L15-7io với các mã sản phẩm sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Số hiệu bộ phận 45356140781x, trong đó x bằng 1 hoặc lớn hơn • Số hiệu bộ phận 45356141827x, trong đó x bằng 1 hoặc lớn hơn <p>Sử dụng cột khả năng tương thích 1 cho các kiểu L15-7io với các mã sản phẩm khác.</p> <p>Để tìm mã sản phẩm, xem bên trong hộp chứa giắc cắm.</p> |
-

Dung dịch làm sạch và chất khử trùng tương thích

Bảng dưới đây liệt kê các dung dịch làm sạch và chất khử trùng tương thích với các đầu dò có sẵn cho các hệ thống siêu âm Philips của bạn. Sử dụng các bảng ở [“Đầu dò được liệt kê theo khả năng tương thích chất khử trùng” trên trang 29](#) hoặc [“Khả năng tương thích chất khử trùng theo tên đầu dò” trên trang 24](#) để tìm đầu dò của bạn và cột khả năng tương thích tương ứng.



CHÚ Ý

Hạn chế sử dụng cồn isopropyl (cồn cọ rửa), cồn ethyl biến chất và các sản phẩm gốc cồn trên tất cả đầu dò. Trên các đầu dò có giắc cắm USB, hộp chứa đầu dò và thấu kính (cửa sổ siêu âm) là các bộ phận duy nhất có thể được làm sạch bằng cồn. Trên các đầu dò không dùng trong siêu âm tim qua thực quản, các bộ phận duy nhất có thể được làm sạch bằng cồn là hộp chứa giắc cắm, hộp chứa đầu dò và thấu kính. Trên các đầu dò dùng trong siêu âm tim qua thực quản, các bộ phận duy nhất được làm sạch bằng cồn là hộp chứa giắc cắm và hộp chứa điều khiển. Đảm bảo rằng dung dịch chỉ ở mức cồn isopropyl 91% hoặc thấp hơn hoặc cồn ethyl biến chất 85% hoặc thấp hơn. Không làm sạch bất kỳ bộ phận nào khác của đầu dò bằng cồn (bao gồm dây cáp, đầu cắm USB, hoặc chụp đầu cáp), vì làm vậy có thể gây hư hại những bộ phận này của đầu dò. Hư hại này không nằm trong phạm vi bảo hành hoặc hợp đồng dịch vụ của bạn.

Căn cứ trên thử nghiệm khả năng tương thích của vật liệu, hồ sơ sử dụng sản phẩm, và các thành phần hoạt tính, nhìn chung, Philips cho phép sử dụng các loại chất khử trùng *mức độ thấp* và *mức trung bình* sau để xịt hoặc lau bề mặt (tiếp xúc với da) và đầu dò âm đạo hoặc trực tràng, theo những hạn chế khả năng tương thích trong bảng chất khử trùng.



CHÚ Ý

Nhìn chung, Philips chưa phê duyệt cho phép sử dụng các dụng cụ sau đây trên đầu dò qua thực quản hay soi ổ bụng.

- Gốc natri hipoclorit (ví dụ như dung dịch thuốc tẩy trắng gia dụng 10% với natri hypoclorit hoạt tính ở mức xấp xỉ 0,6%)
- Gốc amoni bậc bốn (QUAT) (ví dụ như các sản phẩm có chứa dung dịch amoni clorua n-alkyl xbenzyl trong đó x có thể là một nhóm chức năng hữu cơ bất kỳ như etyla và metyla, v.v.; nồng độ khi sử dụng phải ít hơn 0,8% tổng QUAT được liệt kê)
- Gốc ôxy già hoạt tính (tối đa 0,5% ôxy già)

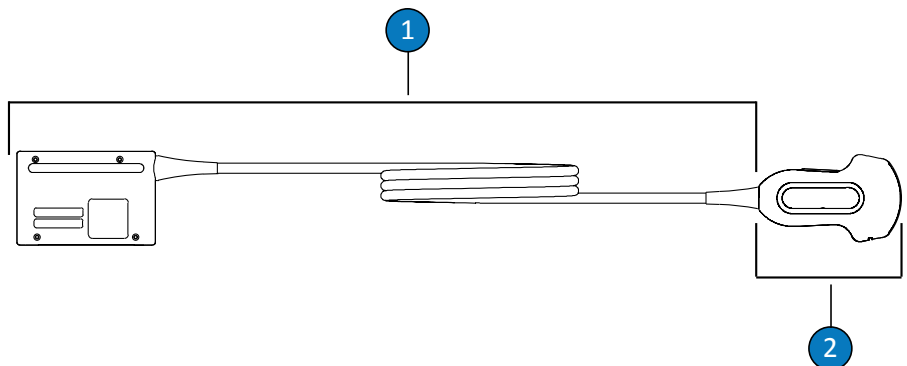
- Gốc cồn hoặc alcohol-plus-QUAT (hàm lượng cồn thành phẩm không được vượt quá cồn isopropyl 91% hay cồn ethyl biến chất 85%)
- Những sản phẩm không được liệt kê trong bảng khả năng tương thích này nhưng có các thành phần hoạt chất tương tự, như đã được chỉ ra trong danh sách này, và được tiếp thị dùng trong y tế

Luôn làm theo các hướng dẫn của nhà sản xuất khi sử dụng chất khử trùng và dung dịch làm sạch.

Vì thị trường có nhiều loại sản phẩm khử trùng và làm sạch nên chúng tôi không thể đưa ra một danh sách đầy đủ ở đây. Nếu bạn không chắc về tính tương thích của một sản phẩm cụ thể, vui lòng liên hệ đại diện Philips của bạn để được hỗ trợ.

Bảng chú thích dung dịch làm sạch và chất khử trùng

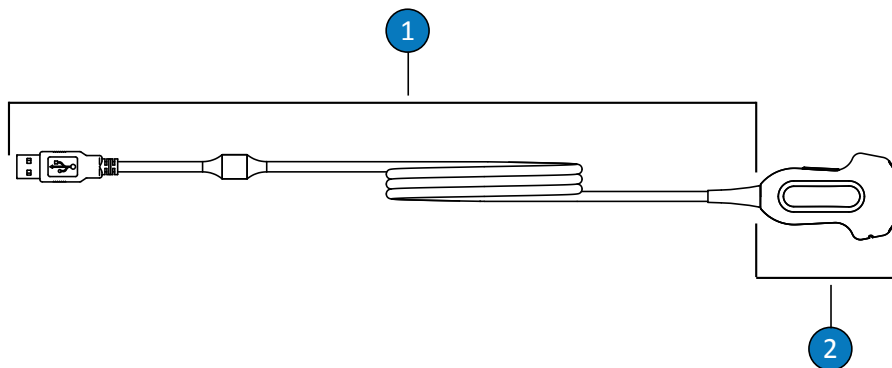
Nước xuất xứ	Loại chất khử trùng	Khả năng tương thích
AU = Úc	CL = Chất làm sạch	C = Được duyệt cho dùng trên dây cáp và giắc nối (tuyệt đối không nhúng hay ngâm giắc nối vào nước); các trường hợp ngoại lệ không được duyệt cho giắc nối sẽ được ghi chú lại
CA = Canada	HLD = Chất khử trùng nồng độ cao	
DE = Đức	ILD = Chất khử trùng nồng độ trung bình	
ES = Tây Ban Nha	LLD = Chất khử trùng nồng độ thấp	H = Được duyệt cho dùng trên tay cầm và vỏ tay cầm
FR = Pháp	S = Chất tiết trùng	
JP = Nhật Bản		N = Không cho phép sử dụng
UK = Vương Quốc Anh		T = Cho phép sử dụng trên đầu dò
US = Hoa Kỳ		



Các phụ tùng đầu dò không phải đầu dò dùng trong siêu âm tim qua thực quản

1 C (Dây cáp và giắc cắm)

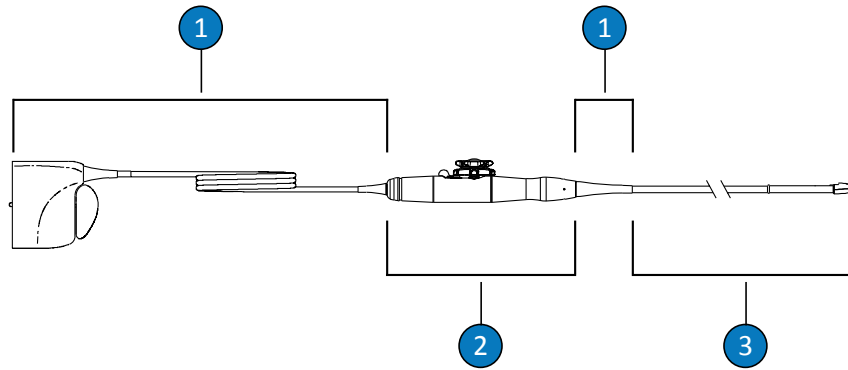
2 T (Đầu dò)



Đầu dò không phải đầu dò dùng trong siêu âm tim qua thực quản (Kết nối USB)

1 C (Dây cáp và giắc cắm)

2 T (Đầu dò)



Các phụ tùng đầu dò dùng trong siêu âm tim qua thực quản

- | | |
|---|---|
| 1 | C (Dây cáp, giắc cắm, và bộ chống căng dây) |
| 2 | H (Tay cầm và cơ cấu điều khiển) |
| 3 | T (Đầu dò và trực linh hoạt) |

LƯU Ý

Sử dụng các bảng ở “Đầu dò được liệt kê theo khả năng tương thích chất khử trùng” trên trang 29 hoặc “Khả năng tương thích chất khử trùng theo tên đầu dò” trên trang 24 để tìm đầu dò của bạn và cột khả năng tương thích tương ứng.

Khả năng tương thích của dung dịch làm sạch và chất khử trùng

Dung dịch/Hệ thống	Nước xuất xứ	Hình thức sử dụng	Thành phần hoạt tính	Loại chất khử trùng	Cột khả năng tương thích							
					1	2	3	4	5	6	7	8
Khăn lau Accel (tất cả các loại)	CA	Lau	Ôxy già	LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	T,C,H	T,C,H	T,C,H	T,C	T,C
Acecide	JP	Ngâm ¹	Axit Peraxetic	HLD, S	N	N	N	N	T	N	N	N
Advantage Plus (với gói tùy chọn TEE/TOE Probe Hookup Kit)	US	AR	Axit Peraxetic	HLD	N	N	N	T ⁷	T ⁷	N	N	N
Advantage Plus (với gói tùy chọn Ultrasound Probe Hookup Kit)	US	AR	Axit Peraxetic	HLD	N	T ^{6,C⁸}	N	N	N	N	T ^{6,C⁸}	N
Aidal Plus	AU	Ngâm ¹	Glutaraldehyde	HLD, S	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T
Alkaspray	FR	Xịt/Lau	Cồn, Alkylamine	LLD, ILD	T	T	T	H	H	T,H	T	T
Anios Clean Excel D	FR	Xịt/Lau/ Ngâm ¹	QUAT, Chlorhexidine gluconate, Hoạt chất bề mặt	CL	T,C	T,C	T,C	T	T	T	T,C	T,C
Aniosept Activ	FR	Ngâm ¹	Axit Peraxetic	HLD, S	N	T,C ⁸	N	N	T	T	T,C ⁸	T
ANIOXY DM	FR	Ngâm ¹	Axit Peraxetic	HLD, S	N	T,C ⁸	N	N	T	T	T,C ⁸	T
Anioxyde 1000	FR	Ngâm ¹	Axit Peraxetic	HLD	N	T,C ⁸	N	N	T	T	T,C ⁸	T

Dung dịch/Hệ thống	Nước xuất xứ	Hình thức sử dụng	Thành phần hoạt tính	Loại chất khử trùng	Cột khả năng tương thích							
					1	2	3	4	5	6	7	8
Antigermix Chronos	FR	Hệ thống Chronos	UV-C	HLD	T,C ^{2,8}	T,C ^{2,8}	N	N	N	N	T,C ⁸	N
Antigermix E1	FR	Hệ thống E1	UV-C	HLD	N	N	N	T,C ⁸ , H ⁵	T,C ⁸ , H ⁵	N	N	N
Antigermix S1	FR	Hệ thống S1	UV-C	HLD	T, C ^{2,8}	T, C ^{2,8}	N	N	N	N	T,C ⁸	N
ASTRA TEE	US	AR	Phụ thuộc vào dung dịch	HLD	N	N	N	T ⁷	T ⁷	N	N	N
ASTRA TEE Ultra	US	AR	Phụ thuộc vào dung dịch	HLD	N	N	N	T ⁷	T ⁷	N	N	N
ASTRA VR	US	AR	Phụ thuộc vào dung dịch	HLD	T ⁹	T ⁹	N	N	N	N	N	N
ASTRA VR Ultra	US	AR	Phụ thuộc vào dung dịch	HLD	T ⁹	T ⁹	N	N	N	N	N	N
Bacillol 30 Foam	DE	Xịt/Lau	Cồn, Alkylamine	LLD, ILD	T	T	T	H	H	T,H	T	T
Banicide Plus	US	Ngâm ¹	Glutaraldehyde	HLD, S	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T
Tẩy trắng (Tối đa 0,6% NaOCl)	Tất cả	Xịt/Lau	Natri Hypoclorit	LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	C	C	C	T,C	T,C
CaviWipes	US	Lau	Cồn, QUAT	LLD, ILD	T	T	T	H	H	T,H	T	T
Cidex	US	Ngâm ¹	Glutaraldehyde	HLD, S	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T
Cidex 7	US	Ngâm ¹	Glutaraldehyde	HLD, S	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T

Dung dịch/Hệ thống	Nước xuất xứ	Hình thức sử dụng	Thành phần hoạt tính	Loại chất khử trùng	Cột khả năng tương thích							
					1	2	3	4	5	6	7	8
Cidex OPA	US	Ngâm ¹	Ortho-phthalaldehyde	HLD	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T
Cidex Plus	US	Ngâm ¹	Glutaraldehyde	HLD, S	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T
Khăn lau Cleanisept	DE	Xịt/Lau	QUAT	LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	T,C,H	T,C,H	T,C,H	T,C	T,C
Khăn lau Clinell Sporicidal	UK	Lau	Axít Peraxetic, Hoạt chất bề mặt	CL, HLD	T,C	T,C	T,C	N	T,C,H	T,C,H	T,C	T,C
Khăn lau vệ sinh Clinell Universal	UK	Xịt/Lau	QUAT, Biguanide	LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	T,C,H	T,C,H	T,C,H	T,C	T,C
Chất tẩy rửa diệt khuẩn y tế Clorox	US	Xịt/Lau	Natri Hypoclorit	LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	C	C	C	T,C	T,C
Chất khử trùng làm sạch ôxy già y tế Clorox	US	Xịt/Lau	Ôxy già	LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	T,C,H	T,C,H	T,C,H	T,C	T,C
Combi-Instruments-N	DE	Ngâm ¹	Hỗn hợp Glutaraldehyde & formacetale	HLD	T,C ⁸	T,C ⁸	N	N	T	T	T,C ⁸	T
Cồn ethanol biến tính (tối đa 85%)	Tất cả	Xịt/Lau	Cồn ethanol biến tính, nước	LLD, ILD	T	T	T	H	H	T,H	T	T
Descoton Extra	DE	Ngâm ¹	Glutaraldehyde	HLD, S	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T

Dung dịch/Hệ thống	Nước xuất xứ	Hình thức sử dụng	Thành phần hoạt tính	Loại chất khử trùng	Cột khả năng tương thích							
					1	2	3	4	5	6	7	8
Dispatch	US	Xịt/Lau	Natri Hypoclorit	LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	C	C	C	T,C	T,C
DSD 201 (với gói tùy chọn Bridge Kit)	US	AR	Phụ thuộc vào dung dịch	HLD	N	N	N	T ⁷	T ⁷	N	N	N
DSD EDGE (với gói tùy chọn Bridge Kit)	US	AR	Axít Peraxetic	HLD	N	N	N	T ⁷	T ⁷	N	N	N
Endosporine	FR	Ngâm ¹	Glutaraldehyde	HLD, S	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T
Endozime Enzymatic (tất cả các loại)	US	Chất làm sạch sơ cấp	Enzim, Hoạt chất bề mặt	CL	T,C	T,C	N	T,C,H	T,C,H	T	T,C	T
Enzol	US	Chất làm sạch sơ cấp	Enzim, Hoạt chất bề mặt	CL	T,C	T,C	N	T,C,H	T,C,H	T	T,C	T
Epizyme Rapid	AU	Chất làm sạch sơ cấp	Enzim, Hoạt chất bề mặt	CL	T,C	T,C	N	T,C,H	T,C,H	T	T,C	T
Gigasept FF (neu)	DE	Ngâm ¹	Succinic dialdehyde	HLD	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	N	T,C ⁸	T
Gigasept PA	DE	Ngâm ¹	Axít Peraxetic	HLD	N	T,C ⁸	N	N	T	T	T,C ⁸	T
Gigasept PAA Cô đặc	DE	Ngâm ¹	Axít Peraxetic	HLD	N	T,C ⁸	N	N	T	T	T,C ⁸	T
Hexanios G+R	FR	Ngâm ¹	QUAT, Biguanide, chất có hoạt tính bề mặt	CL, LLD, ILD	T,C	T,C	N	N	N	N	T,C	T
Hibiclens (Tối đa 4%)	US	Chất làm sạch sơ cấp	Chlorhexidine gluconate	CL	T,C	T,C	T	T,C	T,C	T,C	T,C	T,C

Dung dịch/Hệ thống	Nước xuất xứ	Hình thức sử dụng	Thành phần hoạt tính	Loại chất khử trùng	Cột khả năng tương thích							
					1	2	3	4	5	6	7	8
Incidin	DE	Xịt/Lau	Cồn	LLD, ILD	T	T	T	H	H	T,H	T	T
Incidin OxyWipe	DE	Xịt/Lau	Ôxy già, Hoạt chất bề mặt	CL, LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	T,C,H	T,C,H	T,C,H	T,C	T,C
Incidin OxyWipe S	DE	Xịt/Lau	Ôxy già, Hoạt chất bề mặt	CL, LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	T,C,H	T,C,H	T,C,H	T,C	T,C
Incidin OxyFoam	DE	Xịt/Lau	Ôxy già, Hoạt chất bề mặt	CL, LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	T,C,H	T,C,H	T,C,H	T,C	T,C
Incidin OxyFoam S	DE	Xịt/Lau	Ôxy già, Hoạt chất bề mặt	CL, LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	T,C,H	T,C,H	T,C,H	T,C	T,C
Incidin Plus	DE	Ngâm ¹	Glucoprotamin	HLD	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T
Incidin Rapid	DE	Xịt/Lau	QUAT, Glutaraldehyde	LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	T	T	T	T,C	T,C
Bình xịt Incidur	DE	Xịt/Lau	Cồn, QUAT, Aldehyde	LLD, ILD	T	T	T	H	H	T,H	T	T
Instruzyme	FR	Chất làm sạch sơ cấp	Enzim, QUAT, Biguanide	CL	T,C	T,C	N	T	T	T	T,C	T
Intercept Detergent	US	AR	Hoạt chất bề mặt	CL	T,C	T,C	N	T	T	T	T,C	T
Intercept Wipes	US	Lau	Hoạt chất bề mặt	CL	T,C	T,C	N	T,C,H	T,C,H	T	T,C	T,C
Cồn isopropyl (tối đa 91%)	Tất cả	Xịt/Lau	Cồn isopropyl, nước	LLD, ILD	T	T	T	H	H	T,H	T	T
Klenzyme	US	Chất làm sạch sơ cấp	Enzim, Hoạt chất bề mặt	CL	T,C	T,C	N	T,C,H	T,C,H	T	T,C	T

Dung dịch/Hệ thống	Nước xuất xứ	Hình thức sử dụng	Thành phần hoạt tính	Loại chất khử trùng	Cột khả năng tương thích							
					1	2	3	4	5	6	7	8
Korsolex Cơ bản	FR	Ngâm ¹	Giải phóng Aldehyt	HLD	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T
Korsolex Extra	FR	Ngâm ¹	QUAT, Aldehyde	HLD	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T
Korsolex PAE	FR	Ngâm ¹	Glutaraldehyde	HLD, S	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T
Loại bỏ màng sinh học Matrix	AU	Chất làm sạch sơ cấp	Enzim, Hoạt chất bề mặt	CL	T,C	T,C	T	T,C,H	T,C,H	T	T,C	T
MaxiCide Plus	US	Ngâm ¹	Glutaraldehyde	HLD, S	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T
MedDis	UK	Ngâm ¹	QUAT, Axit Sunfamic	HLD	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T
Khăn lau khử trùng Medipal	UK	Lau	QUAT, Biguanide	LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	T,C,H	T,C,H	T,C,H	T,C	T,C
Medistel	UK	Ngâm ¹	QUAT, Axit Sunfamic	HLD	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T
Medizym	AU	Chất làm sạch sơ cấp	Enzim, Hoạt chất bề mặt	CL	T,C	T,C	N	T,C,H	T,C,H	T	T,C	T
MetriCide	US	Ngâm ¹	Glutaraldehyde	HLD, S	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T
MetriCide 28	US	Ngâm ¹	Glutaraldehyde	HLD, S	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T
MetriCide OPA Plus	US	Ngâm ¹	Ortho-phthalaldehyde	HLD	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T
MetriCide Plus 30	US	Ngâm ¹	Glutaraldehyde	HLD, S	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T
MetriZyme	US	Chất làm sạch sơ cấp	Enzim, Hoạt chất bề mặt	CL	T,C	T,C	N	T,C,H	T,C,H	T	T,C	T

Dung dịch/Hệ thống	Nước xuất xứ	Hình thức sử dụng	Thành phần hoạt tính	Loại chất khử trùng	Cột khả năng tương thích							
					1	2	3	4	5	6	7	8
Giấy diệt vi-rút mikrobac	DE	Lau	QUAT	LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	T,C,H	T,C,H	T,C,H	T,C	T,C
khăn lau mikrozid PAA	DE	Lau	Axít Peraxetic	LLD, ILD	N	T,C	T,C	N	T,C	T,C,H	T,C	T,C
Dung dịch xà phòng dịu nhẹ ⁴	Tất cả	Chất làm sạch sơ cấp	Hoạt chất bề mặt	CL	T,C	T,C	T,C	T,C,H	T,C,H	T	T,C	T
Milton	AU	Xịt/Lau	Natri Hypoclorit	LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	C	C	C	T,C	T,C
NDP Med Concentrated Plus	ES	Ngâm ¹	N-Duopropenide, Alkylamine	HLD	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T
neodisher endo CLEAN / neodisher endo SEPT PAC	DE	AR	Hoạt chất bề mặt, Axít Peraxetic	CL, HLD	N	N	N	N	T	N	N	N
DIS neodisher endo active	DE	Ngâm ¹	Axít Peraxetic	HLD	N	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T
neodisher Septo Active	DE	Ngâm ¹	Axít Peraxetic	HLD	N	T,C ⁸	N	N	T	T	T,C ⁸	T
Axít Peraxetic Olympic	UK	AR	Axít Peraxetic	HLD	N	T,C ⁸	N	N	T	N	T,C ⁸	N
Omicide 14NS	US	Ngâm ¹	Glutaraldehyde	HLD, S	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T
Omicide 28	US	Ngâm ¹	Glutaraldehyde	HLD, S	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T

Dung dịch/Hệ thống	Nước xuất xứ	Hình thức sử dụng	Thành phần hoạt tính	Loại chất khử trùng	Cột khả năng tương thích							
					1	2	3	4	5	6	7	8
OPAL	AU	Ngâm ¹	Ortho-phthalaldehyde	HLD	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T
Opti-Cide3	US	Xịt/Lau	Cồn, QUAT	LLD, ILD	T	T	T	H	H	T,H	T	T
Oxivir (tất cả các loại)	US	Lau	Ôxy già	LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	T,C,H	T,C,H	T,C,H	T,C	T,C
Oxygenon-I	DE	Ngâm ¹	Oxygen Generating	HLD	N	T,C ⁸	N	T ³	T	T	T,C ⁸	T
PeraSafe	UK	Ngâm ¹	Axít Peraxetic	HLD, S	N	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T
Perascope	UK	Ngâm ¹	Axít Peraxetic	HLD	N	T,C ⁸	N	N	T	T	T,C ⁸	T
Perastel	UK	AR/Soak ¹	Axít Peraxetic	HLD	N	T,C ⁸	N	N	T	T	T,C ⁸	T
PerCept (tất cả các loại)	CA	Lau	Ôxy già	LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	T,C,H	T,C,H	T,C,H	T,C	T,C
Phagocide D	FR	Ngâm ¹	Glutaraldehyde	HLD, S	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T
Phagozyme ND	FR	Chất làm sạch sơ cấp	Enzymes, QUAT	CL	T,C	T,C	N	T	T	T	T,C	T
PI-Spray (Trước đây là T-Spray)	US	Xịt/Lau	QUAT	LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	T,C,H	T,C,H	T,C,H	T,C	T,C
PI-Spray II (Trước đây là T-Spray II)	US	Xịt/Lau	QUAT	LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	T,C,H	T,C,H	T,C,H	T,C	T,C
PREempt cô đặc	CA	Xịt/Lau	Ôxy già	LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	T,C,H	T,C,H	T,C,H	T,C	T,C
PREempt RTU	CA	Xịt/Lau	Ôxy già	LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	T,C,H	T,C,H	T,C,H	T,C	T,C

Dung dịch/Hệ thống	Nước xuất xứ	Hình thức sử dụng	Thành phần hoạt tính	Loại chất khử trùng	Cột khả năng tương thích							
					1	2	3	4	5	6	7	8
Khăn lau PREempt	CA	Lau	Ôxy già	LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	T,C,H	T,C,H	T,C,H	T,C	T,C
ProCide-D	US	Ngâm ¹	Glutaraldehyde	HLD, S	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T
ProCide-D Plus	US	Ngâm ¹	Glutaraldehyde	HLD, S	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T
Prolystica 2X	US	Chất làm sạch sơ cấp	Enzim, Hoạt chất bề mặt	CL	T,C	T,C	N	T,C,H	T,C,H	T	T,C	T
Chất khử trùng Protex (Tất cả các loại)	US	Xịt/Lau	QUAT	LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	T,C,H	T,C,H	T,C,H	T,C	T,C
Proxy P/ Proxy A	AU	AR	Axít Peraxetic	HLD	N	N	N	N	T	N	N	N
Amoni bậc bốn (Tối đa 0,8% hoạt tính)	Tất cả	Xịt/Lau	QUAT	LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	T,C,H	T,C,H	T,C,H	T,C	T,C
RAPICIDE Glut	US	Ngâm ¹	Glutaraldehyde	HLD, S	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T
RAPICIDE OPA/28	US	Ngâm ¹	Ortho-phthalaldehyde	HLD	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T
RAPICIDE PA	US	Ngâm ¹	Axít Peraxetic	HLD	N	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	N
RAPICIDE PA Single Shot	US	AR	Axít Peraxetic	HLD	N	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	N
Revital-Ox RESERT	US	Ngâm ¹	Ôxy già	HLD	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T ³	T	T	N	T
Rivascop	FR	Xịt/Lau	QUAT	LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	T,C,H	T,C,H	T,C,H	T,C	T,C

Dung dịch/Hệ thống	Nước xuất xứ	Hình thức sử dụng	Thành phần hoạt tính	Loại chất khử trùng	Cột khả năng tương thích							
					1	2	3	4	5	6	7	8
Salvanios pH 10	FR	Xịt/Lau	QUAT	LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	T,C,H	T,C,H	T,C,H	T,C	T,C
Sani-24	US	Xịt/Lau	Cồn, QUAT	LLD, ILD	T	T	T	H	H	T,H	T	T
Sani-Cloth Active	DE	Lau	QUAT	LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	T,C,H	T,C,H	T,C,H	T,C	T,C
Sani-Cloth AF	US	Lau	QUAT	LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	T,C,H	T,C,H	T,C,H	T,C	T,C
Sani-Cloth AF3	US	Lau	QUAT	LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	T,C,H	T,C,H	T,C,H	T,C	T,C
Chất tẩy trắng Sani-Cloth	US	Lau	Natri Hypoclorit	LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	C	C	C	T,C	T,C
Sani-Cloth CHG 2%	UK	Xịt/Lau	Cồn, Chlorhexidine gluconate	LLD, ILD	T	T	T	H	H	T,H	T	T
Sani-Cloth HB	US	Lau	QUAT	LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	T,C,H	T,C,H	T,C,H	T,C	T,C
Sani-Cloth Plus	US	Lau	Cồn, QUAT	LLD, ILD	T	T	T	H	H	T,H	T	T
Sani-Cloth Prime	US	Lau	Cồn, QUAT	LLD, ILD	T	T	T	H	H	T,H	T	T
Sekucid N	FR	Ngâm ¹	Glutaraldehyde	HLD, S	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T
Sekusept Aktiv	DE	Ngâm ¹	Axit Peraxetic	HLD	N	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T
Sekusept Easy	DE	Ngâm ¹	Axit Peraxetic	HLD	N	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T
Sekusept Plus	DE	Ngâm ¹	Glucoprotamin	HLD	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T
Serie TEE	FR	AR	Phụ thuộc vào dung dịch	HLD	N	N	N	T ⁷	T ⁷	N	N	N

Dung dịch/Hệ thống	Nước xuất xứ	Hình thức sử dụng	Thành phần hoạt tính	Loại chất khử trùng	Cột khả năng tương thích							
					1	2	3	4	5	6	7	8
Soluscope P/ Soluscope A	FR	AR	Axit Peraxetic	HLD	N	N	N	N	T	N	N	N
Steranios 2%	FR	Ngâm ¹	Glutaraldehyde	HLD, S	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T
STERRAD 100S	US	AR	Ôxy già	S	N	N	N	N	N	T ⁶ ,C, H	N	N
Super Sani-Cloth	US	Lau	Cồn, QUAT	LLD, ILD	T	T	T	H	H	T,H	T	T
TD-5	US	TD-100 Reprocessor, TEEClean Reprocessor	Glutaraldehyde	HLD	N	N	N	T	T	N	N	N
TD-8	US	TD-100 Reprocessor, TEEClean Reprocessor	Ortho- phthalaldehyde	HLD	N	N	N	T	T	N	N	N
TD-12	US	Máy khử trùng TD-200	Axit Peraxetic	HLD	N	N	N	T	T	N	N	N
TEEZyme	US	TEEClean Reprocessor	Enzim, Hoạt chất bề mặt	CL	N	N	N	T,C,H	T,C,H	N	N	N
TEEZyme Sponge	US	Chất làm sạch sơ cấp	Enzim, Hoạt chất bề mặt	CL	N	N	N	T,C,H	T,C,H	N	N	N
TEEZymeMC	US	Chất làm sạch sơ cấp	Enzim, Hoạt chất bề mặt	CL	T,C	T,C	N	T,C,H	T,C,H	T	T,C	T
Tristel Duo	UK	Foam/Wipe	Clo Đi-ô-xít	HLD	T,C	T,C	N	N	N	N	T,C	T,C

Dung dịch/Hệ thống	Nước xuất xứ	Hình thức sử dụng	Thành phần hoạt tính	Loại chất khử trùng	Cột khả năng tương thích							
					1	2	3	4	5	6	7	8
Tristel Fuse cho Stella	UK	Hệ thống Stella	Clo Đi-ô-xít	HLD	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T
Tristel Multi-Shot	UK	Ngâm ¹	Clo Đi-ô-xít	HLD	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T
Khăn lau Tristel Sporidical	UK	Lau	Clo Đi-ô-xít	HLD	T,C	T,C	T,C	T,C,H	T,C,H	T,C,H	T,C,H	T,C
Tristel Trio Wipes / Tristel Trio Trace	UK	Lau sơ, Lau diệt bào tử, Lau rửa	Enzim, Hoạt chất bề mặt, Clo Đi-ô-xít	CL, HLD	T,C	T,C	T,C	T,C,H	T,C,H	T,C,H	T,C	T
trophon2	AU	trophon2 Reprocessor	Ôxy già	HLD	T,C ⁸	T,C ⁸	N	N	N	N	T,C ⁸	T,C
trophon Companion Cleaning Wipes	AU	Lau	QUAT	LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	T,C,H	T,C,H	T,C,H	T,C	T,C
trophon EPR	AU	trophon EPR Reprocessor	Ôxy già	HLD	T,C ⁸	T,C ⁸	N	N	N	N	T,C ⁸	N
Vaposeptol	FR	Xịt/Lau	Cồn, Biguanit	LLD, ILD	T	T	T	H	H	T,H	T	T
Virox 5 RTU	CA	Lau	Ôxy già	LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	T,C,H	T,C,H	T,C,H	T,C	T,C
Wavicide -01	US	Ngâm ¹	Glutaraldehyde	HLD, S	T,C ⁸	T,C ⁸	N	T	T	T	T,C ⁸	T

Dung dịch/Hệ thống	Nước xuất xứ	Hình thức sử dụng	Thành phần hoạt tính	Loại chất khử trùng	Cột khả năng tương thích							
					1	2	3	4	5	6	7	8
Wip'Anios Excel	FR	Lau	QUAT, Biguanide, chất có hoạt tính bề mặt	CL, LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	T,C,H	T,C,H	T,C,H	T,C	T,C
Wip'Anios Premium	FR	Lau	QUAT, Biguanide, chất có hoạt tính bề mặt	CL, LLD, ILD	T,C	T,C	T,C	T,C,H	T,C,H	T,C,H	T,C	T,C

1. Không bao giờ được nhúng hoặc ngâm giắc cắm. Những sản phẩm này có thể được sử dụng trong bộ tự động hóa tự động (AR) theo quy trình nêu trong tài liệu *Chăm sóc và làm sạch hệ thống siêu âm và đầu dò*.
2. Antigermix Chronos và Antigermix S1 không được phê duyệt cho 3D6-2, 3D8-4, V6-2, V8-4, V9-2, VL13-5 hoặc VL13-5 Compact.
3. Oxygenon-I và Revital-Ox RESERT có thể khiến màu trên trục linh hoạt của đầu dò S7-3t và S8-3t thay đổi một chút. Hiện tượng thay đổi màu sắc này không có ảnh hưởng đến hiệu suất hoặc an toàn thiết bị.
4. Các dung dịch xà phòng dịu nhẹ không chứa các thành phần thô ráp và không gây kích ứng da. Các dung dịch này không được chứa mùi thơm, tinh dầu, hoặc cồn. Không cho phép sử dụng nước rửa tay.
5. Antigermix E1 có thể làm mất màu các phần bằng nhựa của đầu dò khí-thực quản.
6. Để biết các loại dung dịch cụ thể được dùng với bộ tái xử lý tự động này, hãy xem [“Hướng dẫn dành cho AR \(Automated Reprocessor, Máy khử trùng tự động\)”](#) trên trang 18.
7. Để biết các loại dung dịch cụ thể được dùng với bộ tái xử lý tự động này, hãy xem [“Hướng dẫn về máy khử trùng đầu dò TEE tự động và máy khử trùng máy rửa”](#) trên trang 20.
8. Chỉ được duyệt cho dây cáp; không được duyệt cho giắc nối.
9. Để biết các loại dung dịch cụ thể được dùng với bộ tái xử lý tự động này (chỉ đầu dò xuyên âm đạo và xuyên trực tràng), hãy xem [“Hướng dẫn dành cho AR \(Automated Reprocessor, Máy khử trùng tự động\)”](#) trên trang 18.

www.philips.com/healthcare



Philips Ultrasound, Inc.
22100 Bothell Everett Hwy
Bothell, WA 98021-8431
USA



Philips Medical Systems Nederland B.V.
Veenpluis 6
5684 PC Best
The Netherlands

CE 2797



© 2020 Koninklijke Philips N.V.

Mọi quyền được bảo lưu. Cấm tái bản hoặc truyền toàn bộ hoặc một phần, dưới mọi hình thức hoặc mọi cách, điện tử, cơ khí hay cách khác, khi chưa có sự chấp thuận trước bằng văn bản của chủ sở hữu bản quyền.

Xuất bản tại Hoa Kỳ
4535 620 86031_A/795 * TH8 2020 - vi-VN